

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án Khu đô thị phía Đông thị trấn Đình Lập, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (phạm vi xã Đình Lập -Lần 04)

(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Họ tên hộ gia đình, cá nhân; địa chỉ thường trú	Các khoản bồi thường		Các khoản hỗ trợ		Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (VNĐ)	Ghi chú
		Đất	Nhà, công trình, vật kiến trúc	Đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ khác để ổn định đời sống và sản xuất		
A	B	1	2	3	4	5	C
	Tổng cộng	42.993.600	-	128.980.800	42.993.600	214.968.000	
1	Bà Hoàng Thị Luân, trú tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	42.993.600	Không	128.980.800	42.993.600	214.968.000	

Phụ lục II

BIỂU CHI TIẾT BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

Số TT	Người có đất thu hồi được bồi thường, hỗ trợ	Theo bản đồ trích đo			Vị trí, nhóm	Hiện trạng sử dụng đất	Loại đất theo bản đồ địa chính	Nguồn gốc, thời điểm sử dụng giấy tờ liên quan đến thửa đất	Mã loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa	Địa chỉ thửa đất									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=(9*10)	C
	Tổng cộng									895,7		42.993.600	
1	Bà Hoàng Thị Luân; trú tại Thôn 6, xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam											42.993.600	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	30	Thôn Phật Chi, xã Đình Lập	VT1, Nhóm II	rau xanh các loại	BHK	Đất đã được cấp GCN cho hộ ông Vi Văn Liệt năm 2014, đến năm 2018 chuyển thừa kế cho bà Vi Thị Miên (đã chết) có văn bản phân chia thừa kế kèm theo)	BHK	456,3	48.000	21.902.400	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	6		VT1, Nhóm II	rau xanh các loại	BHK		BHK	439,4	48.000	21.091.200	

Phụ lục III
BIỂU HỒ TÍNH TRỢ ĐÀO TẠO, CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM
(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

Số TT	Hộ gia đình, cá nhân; địa chỉ liên hệ; loại đất hỗ trợ	Theo trích đo địa chính		Vị trí, Nhóm	Loại đất hỗ trợ	Diện tích hỗ trợ (m2)	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ (lần)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=(6*7)	C
I	Tổng					895,7			128.980.800	
1	Bà Hoàng Thị Luâm, trú tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam								128.980.800	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	30	VT1, Nhóm II	BHK	456,3	48.000	3	65.707.200	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	6	VT1, Nhóm II	BHK	439,4	48.000	3	63.273.600	

Phụ lục IV
BIỂU TÍNH HỖ TRỢ KHÁC ĐỂ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT
(Kèm theo Quyết định số: 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

Số TT	Hộ gia đình, cá nhân; địa chỉ liên hệ; loại đất hỗ trợ	Theo trích đo địa chính		Vị trí, Nhóm	Loại đất hỗ trợ	Diện tích hỗ trợ (m ²)	Đơn giá	Tỷ lệ hỗ trợ (lần)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
		Số tờ	Số thửa							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=(6*7)	C
I	Tổng					895,7			42.993.600	
1	Bà Hoàng Thị Luân, trú tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam								42.993.600	
1	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	30	VT1, Nhóm II	BHK	456,3	48.000	1	21.902.400	
2	Đất trồng cây hàng năm khác	10-2022	6	VT1, Nhóm II	BHK	439,4	48.000	1	21.091.200	